PHỤ LỤC

Nền Tảng

Phát Triển Giao Tế và Xúc Cảm

Bản Thân	
1.0 Tự Ý Thức	
Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.1 Mô tả các đặc điểm về thể chất, hành vi, và khả năng của các em một cách rõ ràng.	1.1 So sánh đặc điểm của các em với của những người khác và cho thấy một sự ý thức ngày càng tăng về các đặc điểm tâm lý của các em, như ý nghĩ và cảm xúc.
2.0 **Tự Điều Chỉnh**	
2.1 Cần có sự hướng dẫn của người lớn trong việc chế ngự về sự chú ý, cảm xúc, và sự thôi thúc và cho thấy có chút nỗ lực trong sự tự chủ.	2.1 Điều chỉnh về sự chú ý, ý nghĩ, cảm xúc, và sự thôi thúc một cách phù hợp hơn, mặc dù đôi khi cần có sự hướng dẫn của người lớn.
3.0 **Hiểu Biết về Giao Tế và Xúc Cảm**	
3.1 Tìm hiểu về cảm xúc và hành vi của người khác, lưu ý đến sự đa dạng về các đặc điểm của con người, và chú ý đến những điểm tương đồng và khác biệt giữa con người như thế nào.	3.1 Bắt đầu hiểu các lý lẽ về tâm thần và tâm lý mà con người ta hành động như vẫn hay làm và cách chúng góp phần vào các khác biệt giữa con người như thế nào.
4.0 **Sự Cảm Thông và Quan Tâm**	
4.1 Chứng tỏ được sự quan tâm đến nhu cầu của những người khác và những người đang bị thống khổ.	4.1 Đáp ứng với sự thống khổ và nhu cầu của người khác bằng sự quan tâm đầy tình cảm và có khuynh hướng giúp đỡ hơn.
5.0 **Chủ động trong học tập**	
5.1 Thích học tập và tự tin về khả năng của các em trong việc khám phá ra những điều mới lạ mặc dù có thể không kiên trì trong việc giải quyết các nan đề.	5.1 Chủ động nhiều hơn trong việc phát hiện những điều mới mẻ, tìm ra được các giải pháp mới và kiên trì trong việc cố gắng nhận biết sự việc.

Sự Tương Tác Trong Giao Tế

1.0 Các Tương Tác với Những Người Lớn Thân Quen	
Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.1 Tương tác với những người lớn thân quen một cách thoải mái và thành thạo, đặc biệt là trong các bối cảnh quen thuộc.	1.1 Tham gia trong các tương tác hỗ tương và lâu dài hơn với những người lớn thân quen và chủ động nhiều hơn trong các tương tác giao tế.
2.0 Các Tương Tác với Những Bạn Đồng Lứa	
2.1 Tương tác dễ dàng với các bạn đồng lứa trong các sinh hoạt chung với nhau đôi khi trở thành các nỗ lực hợp tác.	2.1 Hợp tác tích cực và có chủ tâm hơn với lẫn nhau.
2.2 Tham gia vào các chuỗi thứ tự đơn giản của trò chơi giả vờ.	2.2 Tạo ra các chuỗi thứ tự phức tạp hơn của trò chơi giả vờ trong đó có việc hoạch định, phối hợp các vai trò, và hợp tác.
2.3 Tìm sự giúp đỡ trong việc giải quyết xung đột với bạn đồng lứa, đặc biệt là khi sự bất đồng dẫn đến gây hấn về thể chất.	2.3 Thương lượng với nhau, tìm sự giúp đỡ của người lớn khi cần, và gia tăng việc sử dụng lời nói để đáp ứng với xung đột. Sự bất đồng có thể được biểu lộ bằng lời mắng nhiếc cộng với sự gây hấn về thể chất.
3.0 Tham Gia Trong Nhóm	
3.1 Tham gia vào các hoạt động theo nhóm và bắt đầu hiểu và hợp tác theo các kỳ vọng trong giao tế, các điều lệ của nhóm, và các vai trò.	3.1 Tham gia một cách tích cực và hợp tác như các thành viên trong nhóm.
4.0 Hợp Tác và Trách Nhiệm	
4.1 Tìm sự hợp tác với các chỉ dẫn của người lớn nhưng khả năng tự chủ của các em có giới hạn, đặc biệt khi các em bực tức hoặc nóng giận.	4.1 Gia tăng khả năng tự chủ và được thúc đẩy hợp tác để được sự tán thành của người lớn và suy nghĩ hài lòng với bản thân.

Các Quan Hệ

1.0 **Gắn Bó với Cha Mẹ**	
Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.1 Tìm sự an ninh và hỗ trợ từ những người gắn bó chính trong gia đình của các em.	1.1 Chủ động nhiều hơn trong việc tìm sự hỗ trợ từ những người gắn bó chính trong gia đình của các em.
1.2 Góp phần vào việc duy trì các quan hệ tích cực với những người gắn bó chính trong gia đình của các em.	1.2 Góp phần vào việc tích cực cùng hợp tác với những người gắn bó chính trong gia đình của các em.
1.3 Sau khi trải qua sự chăm sóc từ bên ngoài gia đình, lo liệu với sự giúp đỡ của giáo viên về việc ra đi và phân cách với những người gắn bó chính trong gia đình.	1.3 Sau khi trải qua sự chăm sóc từ bên ngoài gia đình, ra đi một cách thoải mái khỏi những người gắn bó chính trong gia đình. Ngoài ra còn duy trì sự lành mạnh trong thời gian xa rời những người gắn bó chính trong gia đình trong ngày.
2.0 **Quan Hệ Mật Thiết với các Giáo Viên và Người Chăm Sóc**	
2.1 Tìm sự an ninh và hỗ trợ từ các giáo viên và người chăm sóc chính của các em.	2.1 Chủ động nhiều hơn trong việc tìm sự hỗ trợ từ các giáo viên và người chăm sóc chính của các em.
2.2 Góp phần vào việc duy trì các quan hệ tích cực với các giáo viên và người chăm sóc chính của các em.	2.2 Góp phần vào việc cùng hợp tác tích cực với các giáo viên và người chăm sóc chính của các em.
3.0 **Tình Bạn**	
3.1 Chọn chơi với một hoặc hai bạn đồng lứa đặc biệt mà các em nhận là bạn.	3.1 Tình bạn có tính cách hỗ tương, đặc biệt, và lâu dài hơn.

Ngôn Ngữ và Sự Biết Đọc Viết

Nghe và Nói

1.0 Sự Sử Dụng và Các Quy Ước về Ngôn Ngữ	
Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.1 Dùng ngôn ngữ để liên lạc với những người khác trong các tình huống giao tế quen thuộc cho các mục đích cơ bản khác nhau, bao gồm mô tả, yêu cầu, nhận xét, xác nhận, chào hỏi, và từ chối.	1.1 Dùng ngôn ngữ để liên lạc với những người khác trong các tình huống giao tế không quen thuộc cho các mục đích cơ bản và cấp cao khác nhau, bao gồm lý luận, dự đoán, giải quyết vấn đề, và tìm thông tin mới.
1.2 Nói rõ ràng đủ để những người lớn và trẻ em quen thuộc đều hiểu.	1.2 Nói rõ ràng đủ để cả những người lớn và trẻ em quen thuộc và không quen thuộc đều hiểu.
1.3 Dùng ngôn ngữ và kiểu cách chấp nhận được trong lúc liên lạc với những người lớn và trẻ em quen thuộc.	1.3 Dùng ngôn ngữ và kiểu cách chấp nhận được trong lúc liên lạc với cả những người lớn và trẻ em quen thuộc và không quen thuộc.
1.4 Dùng ngôn ngữ để đặt ra các câu chuyện kể ngắn thực tế hoặc giả tưởng.	1.4 Dùng ngôn ngữ để đặt ra các câu chuyện kể dài thực tế hoặc giả tưởng.

2.0 Ngữ Vựng	
2.1 Hiểu và dùng các từ ngữ chấp nhận được cho các vật thể, hành động, và thuộc tính thường hay gặp cả trong các bối cảnh thực tế và biểu tượng.	2.1 Hiểu và dùng các từ ngữ đa dạng và đặc trưng chấp nhận được cho các vật thể, hành động, và thuộc tính thường hay gặp cả trong các bối cảnh thực tế và biểu tượng.
2.2 Hiểu và dùng các từ ngữ chấp nhận được cho các hạng mục về vật thể thường hay gặp và sử dụng trong đời sống hàng ngày.	2.2 Hiểu và dùng các từ ngữ chấp nhận được cho các hạng mục về vật thể thường hay gặp trong đời sống hàng ngày.
2.3 Hiểu và dùng các từ ngữ đơn giản mô tả quan hệ giữa các vật thể.	2.3 Hiểu và dùng các từ ngữ đơn giản và phức tạp mô tả quan hệ giữa các vật thể.

3.0 Văn Phạm	
Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
3.1 Hiểu và sử dụng ngày càng tăng các câu phức tạp và dài hơn, bao gồm các câu kết hợp hai cụm từ hoặc hai cho tới ba khái niệm để truyền đạt ý tưởng.	3.1 Hiểu và sử dụng ngày càng tăng các câu phức tạp và dài hơn, bao gồm các câu kết hợp hai cho tới ba cụm từ hoặc ba cho tới bốn khái niệm để truyền đạt ý tưởng.
3.2 Hiểu và sử dụng một cách tiêu biểu văn phạm thích hợp với lứa tuổi, bao gồm các dạng từ ngữ chấp nhận được như sự hòa hợp giữa chủ từ - động từ, thì diễn tiến, thì quá khứ thông thường, số nhiều thông thường, đại danh từ, và sở hữu từ.	3.2 Hiểu và sử dụng một cách tiêu biểu văn phạm thích hợp với lứa tuổi, bao gồm các dạng từ ngữ chấp nhận được như sự hòa hợp giữa chủ từ - động từ, thì diễn tiến, thì quá khứ thông thường và bất thường, số nhiều thông thường và bất thường, đại danh từ, và sở hữu từ.

Đọc

1.0 Các Khái Niệm về Chữ In

Vào khoảng 48 tháng tuổi

1.1 Bắt đầu biểu lộ các hành vi thích hợp về đọc sách và bắt đầu nhận ra các quy ước về chữ in.

1.2 Nhận biết là chữ in có thể đọc được.

Vào khoảng 60 tháng tuổi

1.1 Bắt đầu biểu lộ các hành vi thích hợp về đọc sách và hiểu biết các quy ước về chữ in.

1.2 Nhận biết chữ in là để đọc và có ý nghĩa cụ thể nào đó.

2.0 Ý Thức Về Âm Ngữ
2.1 Hợp lại bằng lời nói và bỏ đi những từ ngữ và âm tiết mà không cần sự hỗ trợ của hình ảnh hoặc vật thể.
2.2 Hòa hợp bằng lời nói lúc bắt đầu, vần điệu, và âm vị của các chữ và bỏ đi bằng lời nói những từ ngữ bắt đầu <u>với</u> sự hỗ trợ của hình ảnh hoặc vật thể.

3.0 Chữ Cái và Nhận Ra Chữ Viết/Chữ In	
Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
3.1 Nhận ra chữ cái đầu tiên của tên mình.	3.1 Nhận ra tên mình hoặc các chữ thông thường khác bằng chữ in.
3.2 Tương xứng một số tên chữ cái với dạng chữ in của chúng.	3.2 Tương xứng được nhiều hơn phân nửa tên chữ cái viết bằng chữ hoa và hơn phân nửa tên chữ cái viết bằng chữ thường với dạng chữ in của chúng.
	3.3 Bắt đầu nhận ra là các chữ cái có âm thanh.

4.0 Hiểu và Phân Tích Bản Văn Thích Hợp Với Lứa Tuổi	
4.1 Biểu lộ được sự hiểu biết về các nhân vật chính hoặc sự kiện trong một câu chuyện quen thuộc (thí dụ, ai, điều gì, tại đâu) qua việc trả lời cho các câu hỏi (thí dụ, gợi lại và rút ra kết luận đơn giản), thuật lại, diễn lại, hoặc tạo ra tác phẩm nghệ thuật.	4.1 Biểu lộ được sự hiểu biết về các chi tiết trong một câu chuyện quen thuộc, bao gồm các nhân vật, sự kiện, và thứ tự của các sự kiện qua việc trả lời cho các câu hỏi (đặc biệt là tóm lược, dự đoán, và rút ra kết luận), thuật lại, diễn lại, hoặc tạo ra tác phẩm nghệ thuật.
4.2 Biểu lộ sự hiểu biết từ văn bản thông tin qua việc dán nhãn, mô tả, chơi đùa, hoặc tạo ra tác phẩm nghệ thuật.	4.2 Dùng thông tin từ văn bản thông tin theo nhiều cách khác nhau bao gồm mô tả, liên hệ, phân hạng mục, hoặc so sánh và đối chiếu.

5.0 Chú ý đến đọc viết và đáp ứng	
5.1 Biểu lộ sự thích đọc viết và các hoạt động có liên quan tới đọc viết.	5.1 Biểu lộ, với sự độc lập ngày càng gia tăng, sự thích đọc viết và các hoạt động có liên quan tới đọc viết.
5.2 Tham gia vào sinh hoạt thường nhật có liên quan tới các hoạt động đọc viết.	5.2 Tham gia vào sinh hoạt phức tạp hơn có liên quan tới các hoạt động đọc viết.

Viết

1.0 Các Sách Lược Về Viết	
Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.1 Thí nghiệm qua lối cầm và tư thế của cơ thể qua việc dùng nhiều dụng cụ vẽ và viết khác nhau.	1.1 Điều chỉnh lối cầm và tư thế của cơ thể để kiểm soát ngày càng tăng về vẽ và viết.
1.2 Viết qua việc dùng lối viết nguệch ngoạc khác với các bức hình.	1.2 Viết chữ cái hoặc các hình thù giống như chữ cái để biểu thị lời nói hoặc sáng kiến.
1.3 Viết các dấu hiệu để biểu thị tên mình.	1.3 Viết tên gọi gần giống, đúng.

Phát Triển Anh Ngữ

Nghe

1.0 Trẻ em nghe hiểu.		
Tập trung: Lời nói bắt đầu		
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*
1.1 Chú ý đến lời nói bằng tiếng Anh cả trong hoạt động thực sự và giả vờ, dựa vào âm điệu, các biểu lộ trên nét mặt, hoặc điệu bộ của người nói.	1.1 Biểu lộ việc hiểu các lời nói bằng tiếng Anh về các vật thể và hành động cũng như các cụm từ thường gặp trong hoạt động thực tế và giả vờ.	1.1 Bắt đầu biểu lộ việc hiểu nhiều lời nói hơn bằng tiếng Anh (về các vật thể và hành động, các đại danh từ riêng, và sở hữu từ) trong cả hoạt động thực tế và giả vờ. .
Tập trung: Các yêu cầu và chỉ dẫn		
1.2 Bắt đầu theo các chỉ dẫn đơn giản bằng tiếng Anh, đặc biệt khi có các gợi ý về ngữ cảnh.	1.2 Trả lời thích hợp cho các yêu cầu đơn giản một bước khi được hướng dẫn riêng bởi những người khác, có thể diễn ra có hoặc không có các gợi ý về ngữ cảnh.	1.2 Làm theo các chỉ dẫn có một hoặc hai bước tuần tự, phụ thuộc vào ít các gợi ý về ngữ cảnh.

Tập trung: Các khái niệm cơ bản và cấp cao		
1.3 Biểu lộ sự hiểu biết về lời nói có liên quan tới các khái niệm cơ bản và cấp cao trong ngôn ngữ dùng tại gia thích hợp với lứa tuổi (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	1.3 Bắt đầu biểu lộ sự hiểu biết về lời nói bằng tiếng Anh có liên quan tới các khái niệm cơ bản.	1.3 Biểu lộ sự hiểu biết về lời nói bằng tiếng Anh có liên quan tới các khái niệm cấp cao hơn

Nói

1.0 Trẻ em dùng các sách lược bằng lời nói và không bằng lời nói để liên lạc với những người khác. ***Tập trung: Truyền đạt các nhu cầu***		
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*
1.1 Dùng sự truyền đạt không bằng lời nói, như điệu bộ hoặc hành vi, để gây sự chú ý, yêu cầu các đồ vật, hoặc khởi động sự đáp ứng của những người khác.	1.1 Kết hợp sự truyền đạt không bằng lời nói và nói một vài lời để những người khác hiểu (có thể thay đổi-từ tiếng nọ qua tiếng kia — có nghĩa là, dùng ngôn ngữ tại gia và tiếng Anh—và dùng lời nói sơ khai và/hoặc có tính máy móc).	1.1 Cho thấy ngày càng gia tăng việc dựa vào sự truyền đạt lời nói bằng tiếng Anh để những người khác hiểu.
Tập trung: Trình bày qua từ vựng		
1.2 Dùng từ vựng bằng ngôn ngữ tại gia thích hợp với lứa tuổi (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	1.2 Bắt đầu dùng ngữ vựng tiếng Anh, chủ yếu gồm các danh từ cụ thể và có dùng một số động từ và đại danh từ (lời nói kiểu sơ khai)	1.2 Dùng ngữ vựng tiếng Anh để chia sẻ sự hiểu biết về các khái niệm.
Tập trung: Đối Thoại		
1.3 Đối thoại bằng ngôn ngữ tại gia (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	1.3 Bắt đầu đối thoại với những người khác, dùng ngữ vựng tiếng Anh nhưng có thể chuyển qua lại với ngôn ngữ khác (thí dụ, dùng ngôn ngữ tại gia và tiếng Anh).	1.3 Duy trì việc đối thoại bằng tiếng Anh về nhiều đề tài khác nhau.

1.0 Trẻ em dùng các sách lược bằng lời nói và không bằng lời nói để truyền đạt với những người khác.		
Tập trung: Sự dài dòng và phức tạp của lời nói ra		
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*
1.4 Dùng các mức dài dòng của lời nói ra bằng ngôn ngữ tại gia thích hợp với lứa tuổi (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	1.4 Dùng lời nói ra từ hai đến ba chữ bằng tiếng Anh để truyền đạt.	1.4 Gia tăng sự dài dòng của lời nói ra bằng tiếng Anh qua việc thêm vào các sở hữu đại danh từ thích hợp (thí dụ, his, her); các liên từ (thí dụ, and, or); hoặc các thành phần khác (thí dụ, tĩnh từ, trạng từ).
Tập trung: Văn Phạm		
1.5 Dùng văn phạm thích hợp với lứa tuổi bằng ngôn ngữ tại gia (thí dụ, số nhiều; thì quá khứ đơn giản; dùng chủ từ, động từ, túc từ), đôi khi phạm các sai lầm (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	1.5 Bắt đầu dùng một số dấu chỉ về văn phạm tiếng Anh (thí dụ, -ing hoặc số nhiều -s) và, đôi khi, dùng các quy luật văn phạm của ngôn ngữ tại gia cho tiếng Anh).	1.5 Mở rộng việc sử dụng các dạng thức văn phạm khác bằng tiếng Anh (thí dụ, số nhiều; thì quá khứ đơn giản; dùng chủ từ, động từ, túc từ), đôi khi phạm các sai lầm.
Tập trung: Hỏi		
1.6 Hỏi nhiều loại câu hỏi khác nhau (thí dụ, "điều gì," "tại sao," "như thế nào," "khi nào," và "tại đâu") bằng ngôn ngữ tại gia (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	1.6 Bắt đầu dùng các câu hỏi "what" và "why" bằng tiếng Anh, đôi khi phạm sai lầm.	1.6 Bắt đầu dùng các câu hỏi “what,” “why,” “how,” “when,” và “where” dưới các dạng thức đầy đủ hơn bằng tiếng Anh, đôi khi phạm sai lầm.

2.0 Trẻ em bắt đầu hiểu và dùng các quy ước trong giao tế bằng tiếng Anh. ***Tập trung: Các quy ước trong giao tế***		
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*
2.1 Dùng các quy ước trong giao tế bằng ngôn ngữ tại gia (theo báo cáo của các giáo viên, cha mẹ, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	2.1 Biểu lộ sự bắt đầu hiểu các quy ước trong giao tế bằng tiếng Anh.	2.1 Dùng lời nói và giọng điệu thích hợp có liên quan với các quy ước trong giao tế bằng tiếng Anh.

3.0 Trẻ em dùng ngôn ngữ để đặt ra các câu chuyện kể bằng lời nói về các kinh nghiệm cá nhân của mình. ***Tập trung: Phát triển trong câu chuyện kể***		
3.1 Tạo ra một câu chuyện kể bằng ngôn ngữ tại gia (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	3.1 Bắt đầu tiếng Anh để nói về các kinh nghiệm cá nhân; có thể hoàn tất một câu chuyện kể bằng ngôn ngữ tại gia trong khi dùng một vài tiếng Anh (thí dụ, chuyển qua lại với ngôn ngữ khác).	3.1 Tạo ra các câu chuyện kể bằng tiếng Anh có tính thực tế hoặc giả tưởng.

Đọc

1.0 Trẻ em biểu lộ sự hiểu rõ giá trị và sự ham thích về đọc và văn học. ***Tập trung: Tham gia vào hoạt động đọc lớn tiếng***		
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*
1.1 Tham gia một buổi đọc truyện ngắn của người lớn viết bằng ngôn ngữ tại gia hoặc một truyện ngắn viết bằng tiếng Anh nếu câu chuyện đã được đọc bằng ngôn ngữ tại gia.	1.1 Bắt đầu tham gia các sinh hoạt về đọc, dùng sách viết bằng tiếng Anh khi ngôn ngữ có thể dự đoán được.	1.1 Tham gia các sinh hoạt về đọc, dùng nhiều thể loại khác nhau được viết bằng tiếng Anh (thí dụ, thơ phú, các chuyện kể thần tiên, các sách về khái niệm, và các sách thông tin).

Tập trung: Lưu tâm đến sách và đọc		
1.2 "Đọc" các cuốn sách quen thuộc được viết bằng ngôn ngữ tại gia hoặc bằng tiếng Anh khi được khuyến khích bởi những người khác và, bằng ngôn ngữ tại gia, nói về các cuốn sách.	1.2 Chọn "đọc" các cuốn sách quen thuộc được viết bằng ngôn ngữ tại gia hoặc bằng tiếng Anh với sự độc lập ngày càng tăng và, bằng ngôn ngữ tại gia hoặc tiếng Anh, nói về các cuốn sách.	1.2 Chọn "đọc" các cuốn sách quen thuộc được viết bằng tiếng Anh với sự độc lập ngày càng tăng và nói về các cuốn sách tiếng Anh.
2.0 Trẻ em biểu lộ sự thông hiểu ngày càng tăng trong việc đọc sách. ***Tập trung: Các nối kết cá nhân với câu chuyện***		
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*
2.1 Bắt đầu nhận ra và liên hệ với một câu chuyện từ kinh nghiệm trong đời sống riêng tư của mình bằng ngôn ngữ tại gia (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	2.1 Cho biết kinh nghiệm của bản thân mình có liên quan tới đề tài câu chuyện, dùng lời nói sơ khai và/hoặc có tính máy móc bằng tiếng Anh.	2.1 Bắt đầu tham gia vào các cuộc đối thoại dài bằng tiếng Anh về các câu chuyện.

Tập trung: Cấu trúc của câu chuyện		
2.2 Thuật lại một câu chuyện bằng ngôn ngữ tại gia khi câu chuyện đó được đọc hoặc kể bằng ngôn ngữ tại gia (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần)	2.2 Thuật lại một câu chuyện dùng ngôn ngữ tại gia và một số tiếng Anh khi đọc hoặc kể một câu chuyện bằng tiếng Anh.	2.2 Thuật lại bằng tiếng Anh phần lớn câu chuyện đã đọc hoặc kể bằng tiếng Anh.
3.0 Trẻ em biểu lộ sự thông hiểu về các quy ước của chữ in.		
Tập trung: Cách đọc sách		
3.1 Bắt đầu hiểu là có sự nhất quán trong việc đọc sách (thí dụ, trong tiếng Anh, lật các trang sách từ phải sang trái và đọc chữ in từ trên xuống dưới, trái qua phải; cách đọc này có thể thay đổi đối với các ngôn ngữ khác).	3.1 Tiếp tục phát triển sự hiểu biết về cách đọc sách, đôi khi áp dụng sự hiểu biết các quy ước của chữ in từ ngôn ngữ tại gia.	3.1 Biểu lộ được sự hiểu biết là chữ in bằng tiếng Anh được sắp xếp từ trái qua phải, trên xuống dưới, lật các trang sách từ phải sang trái khi đọc sách.

4.0 Trẻ em biểu lộ sự hiểu biết là chữ in có mang ý nghĩa.			
Tập trung: Chữ in về môi trường			
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*	
4.1 Bắt đầu nhận ra được các biểu tượng trong môi trường (lớp học, cộng đồng, hoặc nhà ở) mang một ý nghĩa nhất quán trong ngôn ngữ tại gia hoặc trong tiếng Anh.	4.1 Nhận ra được trong môi trường (lớp học, cộng đồng, hoặc nhà ở) một số biểu tượng quen thuộc, chữ viết, và các nhãn hiệu bằng chữ in trong ngôn ngữ tại gia hoặc trong tiếng Anh.	4.1 Nhận ra được trong môi trường (lớp học, cộng đồng, hoặc nhà ở) ngày càng gia tăng số biểu tượng quen thuộc, chữ viết, và các nhãn hiệu bằng chữ in trong tiếng Anh.	

5.0 Trẻ em chứng tỏ được là có tiến bộ về sự hiểu biết các chữ cái bằng tiếng Anh.		
Tập trung: Ý thức về chữ cái		
5.1 Tương tác với tài liệu có các chữ cái bằng tiếng Anh.	5.1 Bắt đầu nói về các chữ cái bằng tiếng Anh trong lúc chơi đùa và tương tác với chúng; có thể chuyển qua lại với ngôn ngữ khác (dùng ngôn ngữ tại gia và tiếng Anh).	5.1 Bắt đầu biểu lộ sự thông hiểu các chữ cái bằng tiếng Anh là các ký hiệu được dùng để tạo ra chữ viết.
Tập trung: Nhận biết chữ cái		
5.2 Bắt đầu nhận ra được chữ cái đầu tiên bằng tên gọi của nó hoặc nét chữ cho tên gọi của chúng trong ngôn ngữ tại gia hoặc tiếng Anh.	5.2 Nhận được một số chữ cái bằng tiếng Anh.	5.2 Nhận được mười chữ cái bằng tiếng Anh trở lên.

6.0 Trẻ em biểu lộ sự ý thức về âm điệu.		
Tập trung: Vần điệu		
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*
6.1 Chăm chú lắng nghe và bắt đầu tham gia vào các bài hát đơn giản, thơ phú, và đùa nghịch bằng ngón tay để nhấn mạnh đến vần điệu trong ngôn ngữ tại gia hoặc trong tiếng Anh.	6.1 Bắt đầu lặp lại hoặc thuật lại các bài hát đơn giản, thơ phú, và đùa nghịch bằng ngón tay để nhấn mạnh đến vần điệu trong ngôn ngữ tại gia hoặc trong tiếng Anh.	6.1 Lặp lại, thuật lại, tạo ra, hoặc khởi sự các bài hát đơn giản, thơ phú, và đùa nghịch bằng ngón tay để nhấn mạnh đến vần điệu trong tiếng Anh.
Tập trung: Bắt đầu (âm thanh lúc đầu)		
6.2 Chăm chú lắng nghe và bắt đầu tham gia vào các bài hát đơn giản, thơ phú, và đùa nghịch bằng ngón tay trong ngôn ngữ tại gia hoặc trong tiếng Anh.	6.2 Bắt đầu nhận ra được lời nói có sự bắt đầu tương tự (âm thanh lúc đầu) trong ngôn ngữ tại gia hoặc trong tiếng Anh, với sự hỗ trợ.	6.2 Nhận ra và tạo ra lời nói có sự bắt đầu tương tự (âm thanh lúc đầu) trong tiếng Anh.
Tập trung: Các khác biệt về âm thanh trong ngôn ngữ tại gia và tiếng Anh		
6.3 Chú ý đến và vận dụng các âm thanh hoặc giọng điệu khác nhau trong lời nói bằng ngôn ngữ tại gia (theo báo cáo của cha mẹ, giáo viên, các trợ tá, hoặc những người khác, với sự trợ giúp của một thông dịch viên nếu cần).	6.3 Bắt đầu dùng lời nói bằng tiếng Anh với âm điệu (các đơn vị riêng biệt của âm thanh có ý nghĩa trong một lời nói hoặc âm tiết) khác với ngôn ngữ tại gia.	6.3 Bắt đầu vận dụng âm thanh bằng lời nói (bắt đầu, vần điệu, và âm điệu) bằng lời nói tiếng Anh, với sự hỗ trợ.

Viết

1.0 Trẻ em viết để truyền đạt các ý tưởng của mình.		
Tập trung: Viết để truyền đạt		
Bắt đầu	*Giữa*	*Sau này*
1.1 Bắt đầu hiểu là có thể viết để truyền đạt.	1.1 Bắt đầu hiểu những điều nói ra bằng ngôn ngữ tại gia hoặc tiếng Anh có thể được viết xuống và được người khác đọc.	1.1 Phát triển sự hiểu biết ngày càng tăng về những điều nói ra bằng tiếng Anh có thể được viết xuống và được người khác đọc.
Tập trung: Viết để trình bày lời nói hoặc ý tưởng		
1.2 Bắt đầu biểu lộ sự ý thức là ngôn ngữ viết có thể bằng ngôn ngữ tại gia hoặc tiếng Anh.	1.2 Bắt đầu dùng dấu hiệu hoặc ký hiệu để trình bày ngôn ngữ nói bằng ngôn ngữ tại gia hoặc tiếng Anh.	1.2 Tiếp tục phát triển việc viết lách bằng cách dùng các chữ cái hoặc các dấu hiệu giống như chữ cái để trình bày ý tưởng của mình bằng tiếng Anh.

Tập trung: Viết tên của các em		
1.3 Viết bằng các dấu hiệu để trình bày tên riêng của mình theo cách có thể giống như cách viết bằng ngôn ngữ tại gia	1.3 Thử chép lại tên riêng của mình bằng tiếng Anh hoặc theo hệ thống viết bằng ngôn ngữ tại gia của các em.	1.3 Tự viết tên của mình bằng tiếng Anh gần đúng, dùng các chữ cái tiếng Anh để trình bày chính xác cách phát âm bằng ngôn ngữ tại gia của các em.

Toán

Ý Nghĩa Con Số

Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.0 Trẻ em bắt đầu hiểu các con số và các số lượng trong bối cảnh hàng ngày của mình.	**1.0 Trẻ em mở rộng sự hiểu biết của mình về các con số và các số lượng trong bối cảnh hàng ngày của mình.**
1.1 Thuật lại các con số theo thứ tự tới mười với sự chính xác gia tăng	1.1 Thuật lại các con số theo thứ tự tới hai mươi với sự chính xác gia tăng.
1.2 Bắt đầu nhận ra và nêu tên một vài con số được viết ra.	1.2 Nhận ra và biết tên một vài con số được viết ra.
1.3 Nhận ra, không cần đếm, số đồ vật trong một bộ sưu tập lên đến ba món đồ (thí dụ, đếm trong đầu).	1.3 Nhận ra, không cần đếm, số đồ vật trong một bộ sưu tập lên đến bốn món đồ (thí dụ, đếm trong đầu).
1.4 Đếm tới năm món đồ, dùng sự tương xứng một đối một (một món đồ cho mỗi chữ số) với sự chính xác gia tăng.	1.4 Đếm tới mười món đồ, dùng sự tương xứng một đối một (một món đồ cho mỗi chữ số) với sự chính xác gia tăng.
1.5 Dùng con số nêu ra cho món đồ đếm sau cùng để trả lời cho câu hỏi, "Bao nhiêu. . . ?”	1.5 Hiểu rằng, khi đếm, con số nêu ra cho món đồ đếm sau cùng tiêu biểu cho tổng số món đồ trong nhóm (thí dụ, số thành phần trong nhóm).
2.0 Trẻ em bắt đầu hiểu các quan hệ về con số và các phép tính trong bối cảnh hàng ngày của mình.	**2.0 Trẻ em mở rộng sự hiểu biết của mình trong các quan hệ về con số và các phép tính trong bối cảnh hàng ngày của mình.**
2.1 So sánh bằng mắt (có hoặc không đếm) hai nhóm đồ vật rõ ràng là bằng nhau hoặc không bằng nhau và cho biết là, "hơn" hoặc "bằng nhau".	2.1 So sánh, bằng cách đếm hoặc so sánh, hai nhóm đồ vật lên đến năm món và cho biết là, "hơn" hoặc "bằng với," hoặc "ít hơn" (hoặc "kém").
2.2 Hiểu rằng việc thêm vào (hoặc lấy ra) một món đồ hoặc hơn ra khỏi một nhóm sẽ làm gia tăng (hoặc giảm) số đồ vật trong nhóm.	2.2 Hiểu rằng việc thêm vào một hoặc lấy ra một làm thay đổi con số trong một nhóm nhỏ các đồ vật chính xác một.
Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
2.3 Hiểu rằng bỏ hai nhóm đồ vật vào nhau sẽ làm thành một nhóm lớn hơn.	2.3 Hiểu rằng bỏ hai nhóm đồ vật vào nhau sẽ làm thành một nhóm lớn hơn và một nhóm đồ vật có thể chia nhỏ ra thành các nhóm nhỏ hơn.
2.4 Giải các bài toán cộng và trừ đơn giản không bằng lời nói (và thường bằng lời nói) với một con số rất nhỏ các món đồ (tổng cộng lên đến 4 hoặc 5).	2.4 Giải các bài toán cộng và trừ đơn giản với một con số rất nhỏ các món đồ (tổng cộng lên đến 10), thường bằng cách đếm.

Đại Số và Hàm Số
(Phân Loại và Làm Mẫu)

Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.0 Trẻ em bắt đầu lựa ra và phân loại các đồ vật trong bối cảnh hàng ngày của mình.	**1.0 Trẻ em mở rộng sự hiểu biết của mình qua việc lựa ra và phân loại đồ vật trong bối cảnh hàng ngày của mình.**
1.1 Lựa ra và phân loại các đồ vật qua một thuộc tính thành hai nhóm hoặc hơn, với sự chính xác gia tăng.	1.1 Lựa ra và phân loại các đồ vật qua một thuộc tính hoặc hơn, thành hai nhóm hoặc hơn, với sự chính xác gia tăng (thí dụ, có thể lựa ra trước tiên qua một thuộc tính và sau đó qua một thuộc tính khác).
2.0 Trẻ em bắt đầu nhận ra các khuôn mẫu lặp lại, đơn giản.	**2.0 Trẻ em mở rộng sự thông hiểu của mình về các khuôn mẫu lặp lại, đơn giản.**
2.1 Bắt đầu tìm ra hoặc nhận ra một khuôn mẫu lặp lại đơn giản.	2.1 Nhận ra và sao lại các khuôn mẫu lặp lại đơn giản.
2.2 Thử tạo ra một khuôn mẫu lặp lại đơn giản hoặc tham gia vào việc làm ra khuôn mẫu này.	2.2 Bắt đầu mở rộng và tạo ra các khuôn mẫu lặp lại đơn giản.

Đo Lường

Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.0 Trẻ em bắt đầu so sánh và xếp đặt các món đồ.	**1.0 Trẻ em mở rộng sự thông hiểu của mình về so sánh, xếp đặt, và đo đạc đồ vật.**
1.1 Chứng tỏ được sự ý thức là các đồ vật có thể được so sánh về chiều dài, sức nặng, hoặc khả năng chứa, bằng cách ghi nhận các khác biệt tổng quát, dùng các từ ngữ như *lớn hơn, dài hơn, nặng hơn, hoặc cao hơn,* hoặc bằng cách đặt các đồ vật kế bên nhau để so sánh về chiều dài.	1.1 So sánh hai món đồ về chiều dài, sức nặng hoặc sức chứa trực tiếp (thí dụ, đặt các món đồ kế bên nhau) hoặc gián tiếp (thí dụ, dùng một món đồ thứ ba).
1.2 Đặt ba món đồ theo kích thước.	1.2 Đặt từ bốn món đồ trở lên theo kích thước.
	1.3 Đo chiều dài qua việc dùng nhiều đơn vị cụ thể giống nhau có cùng kích thước xếp đặt nối đuôi nhau.

Hình Học

Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.0 Trẻ em bắt đầu nhận ra và sử dụng các hình dạng thông thường trong bối cảnh hàng ngày của mình.	**1.0 Trẻ em nhận ra và sử dụng nhiều hình dạng khác nhau trong bối cảnh hàng ngày của mình.**
1.1 Nhận ra được các hình dạng đơn giản hai chiều như hình tròn và hình vuông.	1.1 Nhận ra, mô tả, và xây dựng các hình dạng khác nhau, bao gồm các biến đổi của một hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông, và các hình dạng khác.
1.2 Dùng các hình dạng riêng để tiêu biểu cho các thành phần khác nhau của một bức hình hoặc kiểu thiết kế.	1.2 Kết hợp các hình dạng khác nhau để tạo ra một bức hình hoặc kiểu thiết kế.
2.0 Trẻ em bắt đầu hiểu các vị trí trong không gian.	**2.0 Trẻ em mở rộng sự thông hiểu của mình về các vị trí trong không gian.**
2.1 Nhận ra các vị trí của đồ vật và con người trong không gian như trong/trên/dưới, lên/xuống, và bên trong/bên ngoài.	2.1 Nhận ra các vị trí của đồ vật và con người trong không gian, bao gồm trong/trên/dưới, lên/xuống, và bên trong/bên ngoài, bên cạnh/ở giữa, và phía trước/phía sau.

Lý Luận Toán Học

Vào khoảng 48 tháng tuổi	*Vào khoảng 60 tháng tuổi*
1.0 Trẻ em dùng sự suy nghĩ toán học để giải các bài toán phát sinh trong bối cảnh hàng ngày của mình.	**1.0 Trẻ em mở rộng sự suy nghĩ toán học để giải các bài toán phát sinh trong bối cảnh hàng ngày của mình.**
1.1 Bắt đầu áp dụng các sách lược toán học đơn giản để giải các bài toán phát sinh trong bối cảnh của mình.	1.1 Nhận ra và áp dụng các sách lược toán học khác nhau để giải các bài toán trong bối cảnh của mình.

[NOTE TO LOCAL EDUCATIONAL AGENCIES (LEAS): As a form of assistance to LEAs, the California Department of Education (CDE) offers this translation free of charge. Because there can be variations in translation, the CDE recommends that LEAs confer with local translators to determine any need for additions or modifications, including the addition of local contact information or local data, or modifications in language to suit the needs of specific language groups in the local community. If you have comments or questions regarding the translation, please e-mail the Clearinghouse for Multilingual Documents (CMD) at cmd@cde.ca.gov.]